TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **88**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19-10-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Trần Tấn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1962 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn M, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Văn M tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 1985 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà đã có quá trình chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, không tôn trọng và nhường nhịn nhau, thường xảy ra giận dỗi cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng không thể hàn gắn được. Bà và ông M đã ly thân từ năm 2018. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn M.

Về con chung: Có 02 người con tên Võ Hải V sinh năm 1989, Võ Hải A sinh năm 1991. Hiện các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn ông Võ Văn M trình bày:

Ông và bà C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 1985 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn gia đình xảy ra đến nay càng lúc càng nhiều, luôn bất đồng ý kiến. Nay các con đã lớn và có gia đình nên ông và bà C thống nhất ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên Võ Hải V sinh năm 1989, Võ Hải A sinh năm 1991. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà Lê Thị C và ông Võ Văn M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1985. Xét điều kiện thực tế tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị C và ông Võ Văn M thực sự có chung sống với nhau như vợ chồng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau xây dựng gia đình được sự chấp nhận của gia đình thân tộc hai bên và có tổ chức lễ cưới khi về chung sống và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân thực tế được pháp luật bảo vệ.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà C và ông M thống nhất thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận giữa các đương sự là trên tinh tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị C được ly hôn với ông Võ Văn M.

Về nuôi con chung: Bà C và ông M có 02 người con chung tên Võ Hải V (nam) sinh năm 1989 và Võ Hải A (nam) sinh năm 1991. Hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông M thống nhất xác định là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị C xin ly hôn với ông Võ Văn M.

- Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0005197 ngày 30/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý